

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~426~~/LĐTĐBXH-VP

Hà Nội, ngày 03 tháng 2 năm 2015

V/v trả lời kiến nghị của cử tri gửi tới
kỳ họp thứ 8, Quốc hội khoá XIII, lĩnh
vực lao động - tiền lương, bảo hiểm xã
hội, pháp chế

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

CÔNG VĂN ĐẾN

Số: ngày 17.1.2015

Kính gửi: Ban Dân nguyện, Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Kính chuyển: V. III. ... A. Cường T

Trả lời Công văn số 488/BDN ngày 05/12/2014, Công văn số 510/BDN ngày 26/12/2014 của Ban Dân nguyện và Công văn số 10247/VPCP-V.III ngày 22/12/2014 của Văn phòng Chính phủ về việc trả lời kiến nghị của cử tri gửi tới kỳ họp thứ 8, Quốc hội khoá XIII, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xin báo cáo như sau:

1. Hiện nay còn thiếu văn bản hướng dẫn, quy định chi tiết thi hành Bộ luật lao động, trong thực tế gây khó khăn cho cơ quan quản lý và các doanh nghiệp thuê mướn, trả lương cho người lao động, như quy định Điều 97 về mức lương tối thiểu chung; tiền lương làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm... Đề nghị sớm ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện Bộ luật lao động để luật sớm đi vào cuộc sống (Kiến nghị số 198 của cử tri tỉnh Phú Thọ)

Theo quy định tại Điều 242 Bộ luật lao động, Chính phủ đã ban hành các văn bản hướng dẫn theo quy định.

Tuy nhiên, đối với các vấn đề thực tế phát sinh, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sẽ tổng hợp, đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết. Vừa qua, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động trong đó có hướng dẫn nội dung về tiền lương làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm như quy định tại Điều 97.

Bộ luật lao động năm 2012 không có quy định về mức lương tối thiểu chung. Theo quy định tại Điều 91, căn cứ nhu cầu sống tối thiểu của người lao động và gia đình họ, điều kiện kinh tế xã hội và mức tiền lương trên thị trường lao động, Chính phủ công bố mức lương tối thiểu vùng trên cơ sở khuyến nghị của Hội đồng tiền lương quốc gia.

2. Kiến nghị rà soát, kịp thời bổ sung, sửa đổi hệ thống chính sách pháp luật về giải quyết việc làm, bảo hiểm xã hội, dạy nghề, tiền lương tối thiểu, an toàn và vệ sinh lao động phù hợp với Hiến pháp năm 2013; chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, trình độ cán bộ quản lý; tăng cường công tác hướng dẫn, giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện pháp luật lao động; có chính sách khuyến khích người sử dụng lao động tham gia xây dựng các công trình phúc lợi, cải thiện điều kiện ăn, ở, học tập, chăm sóc sức khỏe, sinh hoạt văn

hoá, tinh thần cho người lao động, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên lĩnh vực này (Kiến nghị số 203 của cử tri tỉnh Đồng Nai)

Vừa qua Quốc hội đã thông qua Bộ luật Lao động số 10/2012/QH13, Luật Việc làm số 38/2013/QH13; Luật Bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13; Luật Giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13 và dự kiến thông qua Luật An toàn, vệ sinh lao động tại kỳ họp thứ 9. Các văn bản pháp luật trên đã đảm bảo được tính thống nhất của hệ thống pháp luật và phù hợp với Hiến pháp năm 2013 cũng như hệ thống pháp luật quốc tế mà Việt Nam đã ký kết, tham gia. Đồng thời, các nội dung mà cử tri nêu đang được Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành hướng dẫn, quy định chi tiết.

3. Đề nghị quan tâm hơn đến chế độ, chính sách dành cho phụ nữ đặc biệt là đối với các nữ công nhân (Kiến nghị số 210 của cử tri Thành phố Hồ Chí Minh)

Bộ luật lao động 2012 dành riêng chương X về “Những quy định riêng đối với lao động nữ”, từ Điều 153 đến Điều 160. Hiện nay, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đang xây dựng dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành Bộ luật lao động về lao động nữ, dự kiến trình ban hành trong quý II/2015.

4. Đề nghị Chính phủ sớm ban hành văn bản hướng dẫn xử lý những doanh nghiệp không thực hiện nghĩa vụ nộp bảo hiểm xã hội cho công nhân lao động và nộp 2% phí Công đoàn (Kiến nghị số 7 của cử tri tỉnh Cà Mau tại Công văn số 10247/VPCP-V.III ngày 22/12/2014 của Văn phòng Chính phủ)

Về việc xử lý những doanh nghiệp không thực hiện nghĩa vụ nộp bảo hiểm xã hội cho công nhân lao động, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 95/2013/NĐ-CP ngày 22/8/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội và đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài (có hiệu lực từ 10/10/2013).

Về việc xử phạt đối với hành vi không nộp 2% phí Công đoàn: Hiện nay Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đang xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định số 95/2013/NĐ-CP. Các hành vi vi phạm pháp luật công đoàn cũng đang được nghiên cứu đưa vào dự thảo Nghị định này.

5. Đề nghị quy định mức lương khởi điểm chung (cùng hệ số ngạch, bậc) cho tất cả các ngành nghề; còn đối với phụ cấp thì theo ngành, nghề, đối tượng phục vụ. Mức lương tối thiểu không nên quy định theo vùng như hiện nay mà nên quy định theo ngành, nghề, nên đưa quy định lương tối thiểu vào Luật, không nên quy định hàng năm (Kiến nghị số 151 của cử tri tỉnh Bạc Liêu)

Đề nghị nghiên cứu sớm ban hành Luật Tiền lương để đảm bảo ổn định và từng bước nâng cao đời sống của người lao động, góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế bền vững, ổn định chính trị xã hội (Kiến nghị số 152 của cử tri thành phố Hà Nội)

Kiến nghị Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành liên quan nghiên cứu, xem xét có quy định cụ thể đối với doanh nghiệp khi xây dựng bảng lương, việc điều chỉnh mức lương tối thiểu vùng cần quan tâm đến đối tượng có thâm niên để tránh thiệt

thời cho đối tượng này (Kiến nghị số 183 của cử tri tỉnh Đồng Nai)

Đề nghị hướng dẫn thực hiện Nghị định số 182/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 quy định mức lương tối thiểu vùng; đề nghị áp dụng mức lương tối thiểu vùng tính chi phí đầu vào làm cơ sở thanh quyết toán chương trình, dự án (Kiến nghị số 187 của cử tri Sơn La)

Việc quy định mức lương tối thiểu thành 04 vùng theo địa giới hành chính quận, huyện, thị xã như hiện nay là chưa phù hợp, đề nghị chỉ nên phân thành 2 vùng (Kiến nghị số 154 của cử tri tỉnh An Giang)

Đề nghị sửa đổi Nghị định số 182/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 quy định mức lương tối thiểu vùng theo hướng một số huyện ngoại thành Hà Nội được áp dụng mức lương tối thiểu theo vùng II (Kiến nghị số 189 của cử tri thành phố Hà Nội)

Đề nghị sớm ban hành Thông tư hướng dẫn Nghị định số 49/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ (Kiến nghị số 195 của cử tri tỉnh Lai Châu)

Các kiến nghị trên liên quan đến vấn đề tiền lương tối thiểu; xây dựng thang lương, bảng lương, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xin trả lời chung như sau

a) Về mức lương tối thiểu

- Theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Lao động thì mức lương tối thiểu là mức thấp nhất trả cho người lao động làm công việc giản đơn nhất, trong điều kiện lao động bình thường và phải bảo đảm nhu cầu sống tối thiểu của người lao động và gia đình họ. Mức lương tối thiểu được xác định theo tháng, ngày, giờ và được xác lập theo vùng, ngành. Căn cứ vào nhu cầu sống tối thiểu của người lao động và gia đình họ, điều kiện kinh tế - xã hội và mức tiền lương trên thị trường lao động, Chính phủ công bố mức lương tối thiểu vùng trên cơ sở khuyến nghị của Hội đồng tiền lương quốc gia. Mức lương tối thiểu ngành được xác định thông qua thương lượng tập thể ngành, được ghi trong thỏa ước lao động tập thể ngành nhưng không được thấp hơn mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ công bố. Như vậy, hằng năm trên cơ sở khuyến nghị của Hội đồng tiền lương quốc gia Chính phủ sẽ xem xét việc điều chỉnh mức lương tối thiểu vùng mà không bắt buộc hằng năm phải điều chỉnh tiền lương tối thiểu vùng.

- Mức lương tối thiểu vùng là mức thấp nhất để thương lượng, thỏa thuận và trả lương cho người lao động làm công việc giản đơn nhất trong điều kiện lao động bình thường. Khi thương lượng, thỏa thuận tiền lương, người lao động có thể đưa yếu tố thâm niên là một trong những yếu tố để thương lượng với người sử dụng lao động.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ghi nhận kiến nghị của cử tri đề nghị nghiên cứu, xem xét trong quá trình xây dựng Luật Tiền lương tối thiểu.

b) Về phân vùng áp dụng mức lương tối thiểu

Thực hiện quy định tại Điều 91 của Bộ luật Lao động, Chính phủ đã quy định địa bàn áp dụng tiền lương tối thiểu thành 04 vùng theo địa giới hành chính

cấp quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh. Việc phân vùng dựa vào điều kiện kinh tế xã hội, mức sống dân cư, thị trường lao động và mức tiền lương trên thị trường lao động của từng vùng. Đồng thời, hằng năm khi xây dựng Nghị định quy định mức lương tối thiểu vùng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đều có văn bản đề nghị các địa phương rà soát địa bàn áp dụng mức lương tối thiểu vùng gửi về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo Chính phủ điều chỉnh cho phù hợp. Qua quá trình thực hiện, nhìn chung việc phân vùng các địa bàn áp dụng mức lương tối thiểu theo 4 vùng về cơ bản phù hợp với thực tế của các địa phương. Vì vậy, trường hợp cử tri thấy địa bàn áp dụng tiền lương tối thiểu nào không hợp lý thì kiến nghị với Đại biểu Quốc hội, Đại biểu Hội đồng nhân dân đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiến hành rà soát và gửi ý kiến đề xuất điều chỉnh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo Chính phủ điều chỉnh trong thời gian tới.

c) Về xây dựng thang lương, bảng lương

Theo quy định tại Điều 93 của Bộ luật Lao động và Nghị định số 49/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ thì người sử dụng lao động (bao gồm cả doanh nghiệp nhà nước) có trách nhiệm xây dựng thang lương, bảng lương, phụ cấp lương theo các nguyên tắc do Chính phủ quy định làm cơ sở để tuyển dụng, sử dụng lao động, thỏa thuận mức lương ghi trong hợp đồng lao động và trả lương cho người lao động. Khi xây dựng thang lương, bảng lương, phụ cấp lương người sử dụng lao động phải tham khảo ý kiến tổ chức đại diện tập thể lao động tại cơ sở và công bố công khai tại nơi làm việc của người lao động trước khi thực hiện, đồng thời gửi cơ quan quản lý nhà nước về lao động cấp huyện nơi đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh của người sử dụng lao động. Vì vậy, trong quá trình người sử dụng lao động xây dựng thang lương, bảng lương người lao động có thể thông qua tổ chức đại diện tập thể lao động tại cơ sở để góp ý kiến với người sử dụng lao động xem xét đến yếu tố thâm niên trong việc xây dựng thang lương, bảng lương.

Riêng đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu, các tổ chức, đơn vị của Nhà nước, công ty cổ phần và công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên được chuyển đổi từ công ty nhà nước, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu hiện đang xếp lương theo thang lương, bảng lương ban hành kèm theo Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ thì Chính phủ đang giao cho Bộ Lao động - Thương binh và xã hội hướng dẫn các doanh nghiệp xây dựng thang lương, bảng lương, phụ cấp lương và khi xây dựng thang lương, bảng lương, phụ cấp lương các doanh nghiệp phải bảo đảm quan hệ hợp lý về tiền lương giữa các loại lao động trong công ty và các ngành nghề để bảo đảm cân đối chung. Hiện nay, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đang khẩn trương hoàn chỉnh Thông tư hướng dẫn xây dựng thang lương, bảng lương, phụ cấp lương đối với người lao động trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu để doanh nghiệp thực hiện.

6. Đề nghị cần có quy định về thời hạn nâng lương cho công nhân trong các doanh nghiệp chế biến thủy sản vì công nhân làm việc hơn 10 năm nhưng không được nâng lương do doanh nghiệp sợ phải đóng thêm quỹ bảo hiểm xã hội và hoạt động công đoàn (Kiến nghị số 188 của cử tri Cà Mau)

Theo quy định tại Điều 102 của Bộ luật Lao động thì các chế độ nâng bậc, nâng lương đối với người lao động được thoả thuận trong hợp đồng lao động, thoả ước lao động tập thể hoặc quy định trong quy chế của người sử dụng lao động. Vì vậy, người lao động có thể thoả thuận với người sử dụng lao động về thời hạn nâng lương trong hợp đồng lao động, thoả ước lao động tập thể hoặc quy định trong quy chế trả lương của doanh nghiệp.

7. Đề nghị cần kiểm tra, giám sát chặt chẽ đối với các doanh nghiệp nước ngoài đầu tư tại Việt Nam nhằm đề phòng tình trạng tiêu cực như: nợ tiền lương công nhân... (Kiến nghị số 03 của cử tri tỉnh Trà Vinh tại Công văn số 10247/VPCP-V.III ngày 22/12/2014 của Văn phòng Chính phủ)

Theo quy định tại Điều 96 của Bộ luật Lao động thì người lao động được trả lương trực tiếp, đầy đủ và đúng thời hạn. Trường hợp đặc biệt không thể trả lương đúng thời hạn thì không được chậm quá 01 tháng và người sử dụng lao động phải trả thêm cho người lao động một khoản tiền ít nhất bằng lãi suất huy động tiền gửi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm trả lương.

Tuy nhiên, theo báo cáo của các địa phương thì vẫn còn tình trạng doanh nghiệp nợ tiền lương của người lao động. Nguyên nhân do các doanh nghiệp làm ăn thua lỗ không trả được lương, đồng thời có một số doanh nghiệp FDI hoạt động kinh doanh không lành mạnh, nhằm mục đích trục lợi thông qua huy động vốn của các tổ chức tín dụng, đưa lao động nước ngoài vào Việt nam, bán lại dự án ... khi không đạt mục tiêu đã bỏ trốn về nước. Nhưng do công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của các doanh nghiệp của các cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương còn yếu, không phát hiện kịp thời. Vì vậy, đề nghị cử tri kiến nghị với Đại biểu Quốc hội, Đại biểu Hội đồng nhân dân đề nghị cơ quan quản lý nhà nước về lao động tại địa phương tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát để kịp thời xử lý các vi phạm.

8. Đề nghị Chính phủ có chiến lược nâng cao năng suất lao động cho người lao động Việt Nam để giành ưu thế cạnh tranh do năng suất lao động của người lao động Việt Nam hiện thấp nhất khu vực (Kiến nghị số 153 của cử tri Vĩnh Phúc)

Hiện nay, Chính phủ đang giao cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan nghiên cứu nội dung này, đồng thời tại văn bản số 7791/VPCP-KTTH ngày 06/10/2014 Thủ tướng Chính phủ cũng đang giao Hội đồng tiền lương quốc gia nghiên cứu, tham vấn ý kiến của các Bộ, cơ quan, chuyên gia trong nước và quốc tế xây dựng Đề án thành lập Ủy ban năng suất lao động để nghiên cứu, đề xuất với Chính phủ các giải pháp nâng cao năng suất lao động cho người lao động Việt Nam.

9. Đề nghị sửa đổi bổ sung Bộ luật Lao động theo hướng kéo dài thời gian thông báo trước khi nghỉ việc, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp (Kiến nghị số 200

của cử tri Bắc Giang)

Hiện nay tình trạng người lao động có hợp đồng lao động không xác định thời hạn trong các doanh nghiệp khi sắp đủ điều kiện nghỉ hưu theo điểm a, điểm b Điều 50 Luật Bảo hiểm xã hội (thường là còn 06 -12 tháng tính đến khi đủ tuổi nghỉ hưu) thì làm đơn xin chấm dứt hợp đồng lao động. Ngoài ra, theo quy định tại khoản 3 Điều 37 Bộ luật Lao động trước khi người lao động xin nghỉ việc phải thông báo cho người sử dụng lao động trước 45 ngày. Việc quy định như vậy là quá ngắn vì khi nhiều người lao động cùng xin chấm dứt hợp đồng lao động thì doanh nghiệp giải quyết chế độ cho người lao động gặp rất nhiều khó khăn. Đề nghị sửa đổi, bổ sung Bộ luật Lao động theo hướng quy định kéo dài thời gian thông báo trước khi nghỉ việc, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp (*Kiến nghị số 3 của cử tri tỉnh Bắc Giang - theo công văn số 510/BDN*)

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 37 và Khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Lao động thì thời hạn báo trước khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động được quy định từ ít nhất 03 ngày đến ít nhất 45 ngày tùy theo loại hợp đồng lao động và gắn với từng trường hợp cụ thể.

Quy định nêu trên phù hợp với thực tế, tạo sự chủ động cho người lao động trong sắp xếp công việc, tìm công việc mới; cho người sử dụng lao động trong quản lý, sử dụng lao động và tuyển dụng lao động thay thế; kế thừa các quy định của Bộ luật Lao động năm 1994 (sửa đổi, bổ sung năm 2002); phù hợp với các quy định của pháp luật quốc tế (Điều 11 Công ước số 158 về chấm dứt việc làm) và có tham khảo pháp luật của một số quốc gia trên thế giới (Trung Quốc, Hàn Quốc, Singapore quy định thời hạn báo trước ít nhất 30 ngày đối với hợp đồng không xác định thời hạn).

Tuy nhiên trong thực tế đã xảy ra nhiều trường hợp người lao động gần đến tuổi nghỉ hưu xin chấm dứt hợp đồng lao động không xác định thời hạn nhất là đối với những doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động đã gây ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, nhiều doanh nghiệp không có đủ nguồn kinh phí để chi trả trợ cấp thôi việc theo quy định của pháp luật lao động.

Để khắc phục tình trạng nêu trên, ngày 31/12/2014, Chính phủ đã báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tình trạng người lao động sắp đến tuổi nghỉ hưu xin nghỉ việc đề hưởng trợ cấp thôi việc tại văn bản số 540/BC-CP, trong đó đề nghị sửa đổi, bổ sung về quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động không xác định thời hạn của người lao động “cận hưu” theo hướng người lao động này phải có “lý do chính đáng” hoặc được sự đồng ý của người sử dụng lao động.

10. Đề nghị liên Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính sớm có văn bản hướng dẫn thực hiện Quyết định số 57/2013/QĐ-TTg ngày 14/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào và Campuchia (*Kiến nghị số 201 của cử tri Kiên Giang*)

Ngày 01/3/1985, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 87-CT về chế độ, chính sách đối với cán bộ sang giúp Lào, Căm-pu-chi-a gồm 4

chế độ và 7 chính sách, trong đó chính sách khi nghỉ hưu quy định tại khoản 7 Điều 2 Quyết định số 87-CT được thực hiện khi cán bộ nghỉ hưu hoặc nghỉ việc vì mất sức lao động. Tuy nhiên do điều kiện chính trị xã hội lúc đó nên một số cán bộ chuyên gia giúp Lào, Campuchia đã nghỉ hưu hoặc nghỉ việc vì mất sức lao động chưa được giải quyết chế độ.

Để xử lý tồn tại về chính sách khi nghỉ hưu tại Quyết định số 87-CT nêu trên và thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 57/2013/QĐ-TTg ngày 14/10/2013 về trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào và Căm-pu-chi-a.

Thực hiện Quyết định số 57/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng Thông tư liên tịch số 17/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 01/8/2014 hướng dẫn thực hiện chế độ trợ cấp một lần. Thông tư này đang được triển khai thực hiện ở các địa phương.

11. Có ý kiến cho rằng quy định thời gian đóng bảo hiểm xã hội chung là 20 năm trở lên sẽ được hưởng chế độ hưu trí là không công bằng vì thời gian lao động của nữ chỉ đến 55 tuổi trong khi nam giới là 60 tuổi; đề nghị thời gian đóng bảo hiểm xã hội của nữ giới xuống 15 năm (Kiến nghị số 94 của cử tri tỉnh Hải Dương)

Một trong những nguyên tắc khi thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội là “mức hưởng bảo hiểm xã hội được tính trên cơ sở mức đóng, thời gian đóng bảo hiểm xã hội”, theo đánh giá tài chính quỹ bảo hiểm xã hội với quy định về mức đóng, hưởng trong chính sách bảo hiểm xã hội hiện hành thì số tiền hưởng bình quân trên một người lao động hiện nay đang cao hơn nhiều so với số tiền người đó đóng góp tích lũy được.

Theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội hiện hành, người lao động để được hưởng lương hưu hàng tháng thì ngoài điều kiện về tuổi đời, còn có điều kiện về thời gian đóng bảo hiểm xã hội tối thiểu phải đủ 20 năm. Quy định này nhằm đảm bảo khả năng cân đối tài chính bảo hiểm xã hội, người lao động phải tích lũy đủ số năm đóng vào quỹ bảo hiểm xã hội thì mới được hưởng chế độ hưu hàng tháng.

Do tuổi nghỉ hưu của nữ thấp hơn nam 5 tuổi, nên khi tính tỷ lệ hưởng lương hưu tối đa là 75% thì nữ chỉ cần 25 năm đóng bảo hiểm xã hội, trong khi đó nam phải cần 30 năm đóng BHXH. Như vậy, lao động nữ khi nghỉ hưu ở tuổi 55 và có 25 năm đóng BHXH hưởng tỷ lệ lương hưu bằng nam giới nghỉ hưu ở tuổi 60 và có 30 năm đóng BHXH.

Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 sửa đổi quy định về công thức tính lương hưu của luật hiện hành theo hướng có lộ trình tăng thời gian đóng bảo hiểm xã hội để đạt tỷ lệ hưởng lương hưu 75%, theo đó để đạt tỷ lệ hưởng lương hưu tối đa 75% thì lao động nam cần 35 năm đóng bảo hiểm xã hội và lao động nữ cần 30 năm đóng bảo hiểm xã hội. Riêng đối với lao động nữ là người hoạt động

chuyên trách hoặc không chuyên trách ở cấp xã khi nghỉ việc chỉ cần có thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ đủ 15 năm và đủ 55 tuổi thì được hưởng lương hưu.

12. Cử tri đề nghị sửa đổi Luật Bảo hiểm xã hội theo hướng giảm độ tuổi nghỉ hưu đối với công chức xã miền núi xuống nam 55, nữ 50 (Kiến nghị số 95 của cử tri thành phố Hà Nội)

Theo quy định tại tiết b khoản 1 Điều 50 Luật Bảo hiểm xã hội hiện hành, người lao động có đủ điều kiện về thời gian đóng bảo hiểm xã hội được hưởng lương hưu khi nam từ đủ 55 tuổi đến đủ 60 tuổi, nữ từ đủ 50 tuổi đến đủ 55 tuổi và có đủ mười lăm năm làm nghề hoặc công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc có đủ mười lăm năm làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên. Như vậy, đối với người lao động (bao gồm cả cán bộ, công chức cấp xã) có đủ 15 năm làm nghề hoặc công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc có đủ 15 năm làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên, điều kiện về tuổi đời hưởng lương hưu được giảm tối đa 5 tuổi so với người lao động làm việc trong điều kiện bình thường mà không phải trừ % tỷ lệ hưởng lương hưu do nghỉ hưu trước tuổi.

Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 có hiệu lực từ ngày 01/01/2016 vẫn giữ nguyên quy định trên về tuổi nghỉ hưu của Luật Bảo hiểm xã hội hiện hành đối với các đối tượng này.

13. Có ý kiến cho rằng theo đề án về mức hưởng bảo hiểm xã hội thì lương hưu sẽ giảm 20% là không hợp lý. Đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét và điều chỉnh phù hợp (Kiến nghị số 96 của cử tri tỉnh An Giang)

Đề nghị chế độ đối với người đóng bảo hiểm xã hội khi chết mà chưa đến tuổi nghỉ hưu, ngoài tiền tuất gia đình còn được hưởng thêm một khoản tiền tương xứng với thời gian người đó đã đóng bảo hiểm xã hội (Kiến nghị số 98 của cử tri tỉnh An Giang)

Mức đóng bảo hiểm xã hội cho công nhân hiện nay là cao và được trích trong tiền lương của họ, dẫn đến doanh nghiệp trốn đóng bảo hiểm cho công nhân. Đề nghị hạ mức đóng bảo hiểm cho công nhân tạo điều kiện cho doanh nghiệp thực hiện tốt Luật Bảo hiểm xã hội (Kiến nghị số 99 của cử tri tỉnh Quảng Nam)

Đề nghị Nhà nước hỗ trợ 50% mức đóng đối với đối tượng đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện (Kiến nghị số 101 của cử tri tỉnh Vĩnh Phúc)

Đề nghị quy định mức lương tối thiểu cần đảm bảo đủ để người lao động đóng bảo hiểm xã hội trực tiếp từ tiền lương, không để doanh nghiệp đóng bảo hiểm xã hội thay cho người lao động như hiện nay nhằm tránh trường hợp doanh nghiệp trốn tránh trách nhiệm đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động (Kiến nghị số 177 của cử tri tỉnh An Giang)

Có ý kiến cho rằng cán bộ, công chức, viên chức khi đủ tuổi về hưu (nam 60 tuổi, nữ 55 tuổi) thì có chế độ lương hưu còn nông dân khi đủ độ tuổi trên thì không có chế độ gì; đề nghị có chính sách quan tâm hỗ trợ (Kiến nghị số 199 của cử tri tỉnh Hải Dương)

Cử tri đề nghị giữ nguyên độ tuổi nghỉ hưu của nữ là 55 tuổi, song cần nghiên cứu các chính sách để tạo điều kiện cho phụ nữ trong việc đào tạo, quy hoạch, bổ nhiệm và mức lương khi nghỉ hưu được ngang bằng với nam giới nghỉ hưu ở độ tuổi 60 (*Kiến nghị số 204 của cử tri thành phố Hà Nội*)

Cử tri đề nghị không nên kéo dài tuổi nghỉ hưu, vì điều này sẽ hạn chế phát huy lực lượng trẻ, đồng thời lao động nữ trong các ngành giáo dục, nặng nhọc, độc hại không thể kéo dài tuổi nghỉ hưu vì sức khỏe suy giảm, không nên vì sợ vỡ quỹ bảo hiểm xã hội mà tính toán đến việc kéo dài tuổi nghỉ hưu. Nhà nước nên ban hành riêng một văn bản quy định rõ đối tượng nào (kèm theo tiêu chuẩn cụ thể) thì mới kéo dài tuổi nghỉ hưu. Bên cạnh đó, cử tri đề nghị kiểm tra giám sát chặt chẽ việc quản lý và sử dụng quỹ bảo hiểm xã hội để tránh thất thoát (*Kiến nghị số 205 của cử tri Thành phố Hồ Chí Minh*)

Cử tri kiến nghị việc nâng tuổi nghỉ hưu cần được nghiên cứu và thực hiện đảm bảo khoa học và thực tiễn, phải có lộ trình cụ thể và trước hết nên quy định tăng tuổi đối với khu vực hành chính sự nghiệp, nghiên cứu khoa học... và cần quy định các lĩnh vực, ngành nghề nặng nhọc, độc hại chưa nên tăng tuổi nghỉ hưu trong thời gian tới (*Kiến nghị số 206 của cử tri tỉnh Lâm Đồng*)

Cử tri tiếp tục phản ánh việc quy định tuổi nghỉ hưu theo quy định hiện hành đối với diễn viên thuộc các đoàn nghệ thuật là chưa phù hợp với thực tế, bởi vì đa số diễn viên tham gia công tác, cống hiến cho nghệ thuật từ rất trẻ, hơn nữa do tính chất đặc thù của công việc, nên khả năng làm việc đến tuổi nghỉ hưu là rất khó khăn. Đề nghị cần có quy định chế độ nghỉ hưu đặc thù hoặc chuyển đổi nghề nghiệp đối với ngành, nghề của từng bộ môn nghệ thuật (*Kiến nghị số 207 của cử tri tỉnh Thái Nguyên*)

Về dự thảo Luật Bảo hiểm xã hội sửa đổi: đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu quy định tuổi về hưu và thời gian công tác đủ để được về hưu đối với nam, nữ hợp lý, công bằng hơn, theo hướng: nam và nữ có cùng độ tuổi nghỉ hưu là 60 tuổi; hoặc giữ nguyên quy định nam đủ 60 tuổi, nữ đủ 55 tuổi, có bổ sung quy định riêng đối với nữ được cộng dồn năm công tác sau khi đủ 15 năm (cụ thể từ năm thứ 16 thì cứ 2 năm sẽ được cộng thêm 01 năm) cho đến khi đủ thời gian nghỉ theo chế độ hưu trí (*Kiến nghị số 209 của cử tri tỉnh Hải Dương*)

Luật Bảo hiểm xã hội sửa đổi năm 2014 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2016, theo đó các nội dung về cách tính mức lương hưu, tuổi nghỉ hưu, chế độ tử tuất, mức đóng bảo hiểm xã hội, phương thức đóng bảo hiểm xã hội, chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, đã được Quốc hội xem xét, quyết định. Cụ thể:

- Về cách tính mức lương hưu: (i) quy định lộ trình tăng dần thời gian đóng bảo hiểm xã hội để đạt tỷ lệ hưởng lương hưu tối đa 75%, tiến tới người lao động có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 30 năm đối với nữ và 35 năm đối với nam thì đạt tỷ lệ hưởng lương hưu tối đa 75%; (ii) Sửa đổi quy định giảm trừ tỷ lệ hưởng lương hưu do nghỉ hưu trước tuổi quy định từ 1% lên 2% cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi quy định; (iii) Sửa đổi cách tính mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội để tính lương hưu đối với người lao động thuộc đối tượng thực hiện chế độ tiền lương do Nhà nước quy định theo hướng

có lộ trình tiến tới tính bình quân toàn bộ thời gian đóng như người lao động thuộc đối tượng thực hiện chế độ tiền lương do người sử dụng lao động quyết định (bình quân của 5 năm, 6 năm, 8 năm, 10 năm, 15 năm, 20 năm hoặc của toàn bộ thời gian tùy thuộc vào thời điểm bắt đầu tham gia bảo hiểm xã hội); (iv) Điều chỉnh tiền lương đã đóng bảo hiểm xã hội đối với người bắt đầu tham gia bảo hiểm xã hội từ ngày Luật Bảo hiểm xã hội sửa đổi có hiệu lực thi hành trên cơ sở chỉ số giá sinh hoạt của từng thời kỳ áp dụng cho mọi người lao động, không phân biệt người lao động thuộc khu vực nhà nước hay ngoài nhà nước.

- *Về tuổi nghỉ hưu đối với người lao động làm việc trong điều kiện bình thường*: vẫn giữ như quy định của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006 và Bộ luật Lao động năm 2012, cụ thể 60 tuổi đối với nam, 55 tuổi đối với nữ; riêng đối với người lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, người lao động làm công tác quản lý và một số trường hợp đặc biệt khác có thể nghỉ hưu ở tuổi cao hơn nhưng không quá 05 năm so với tuổi 60 đối với nam, 55 đối với nữ.

- *Điều kiện về thời gian đóng bảo hiểm xã hội để hưởng lương hưu*: Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 giữ nguyên quy định điều kiện về thời gian đóng bảo hiểm xã hội tối thiểu để được hưởng lương hưu đối với các đối tượng nói chung là phải đóng bảo hiểm xã hội từ đủ 20 năm trở lên. Riêng đối với lao động nữ là người hoạt động chuyên trách hoặc không chuyên trách ở cấp xã khi nghỉ việc chỉ cần có thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ đủ 15 năm và đủ 55 tuổi thì cũng được hưởng lương hưu.

- *Về chế độ tử tuất*: Ngoài trợ cấp mai táng, thân nhân người lao động được hưởng trợ cấp tuất hàng tháng hoặc một lần; Luật Bảo hiểm xã hội sửa đổi bổ sung quy định cho phép thân nhân người lao động đủ điều kiện hưởng trợ cấp tuất hàng tháng được lựa chọn hưởng trợ cấp tuất một lần (trừ một số trường hợp như con dưới 06 tuổi, con hoặc vợ hoặc chồng mà bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên), đồng thời tăng mức trợ cấp tuất một lần đối với thân nhân của người lao động đang đóng bảo hiểm xã hội hoặc đang bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội được tính bằng 02 tháng mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội cho các năm đóng bảo hiểm xã hội từ năm 2014 trở đi (hiện hành là 1,5 tháng). Như vậy, với quy định trên thì khoản trợ cấp tuất một lần hoặc hàng tháng đối với thân nhân của người lao động đã được tính toán bổ sung nhằm đảm bảo tương xứng với thời gian người lao động trước đó đã đóng bảo hiểm xã hội.

- *Về mức đóng và phương thức đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc*: Luật Bảo hiểm xã hội sửa đổi vẫn giữ quy định về tỷ lệ đóng góp và phương thức đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với người lao động và người sử dụng lao động để đảm bảo tính cân đối giữa đóng và hưởng bảo hiểm xã hội. Bên cạnh đó, để hạn chế tình trạng doanh nghiệp trốn đóng bảo hiểm cho người lao động, Luật Bảo hiểm xã hội sửa đổi có quy định bổ sung về chế độ cung cấp thông tin việc tham gia bảo hiểm xã hội đến người lao động thông qua quy định về quyền của người lao động được cấp và quản lý sổ bảo hiểm xã hội của mình, được yêu cầu người sử dụng lao động và cơ quan bảo hiểm xã hội cung cấp thông tin về việc đóng,

hưởng bảo hiểm xã hội, định kỳ 06 tháng được người sử dụng lao động cung cấp thông tin về đóng bảo hiểm xã hội, định kỳ hàng năm được cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận về việc đóng bảo hiểm xã hội, thông qua đó để người lao động tự theo dõi quá trình tham gia bảo hiểm xã hội của người sử dụng lao động đối với mình, chủ động trong việc phản ánh với các cơ quan chức năng trong trường hợp quyền lợi bảo hiểm xã hội bị xâm phạm. Để giúp cơ quan bảo hiểm xã hội tăng cường công tác quản lý đối tượng, Luật Bảo hiểm xã hội sửa đổi quy định quyền của cơ quan bảo hiểm xã hội được cơ quan đăng ký doanh nghiệp, cơ quan cấp giấy chứng nhận hoạt động hoặc giấy phép hoạt động gửi bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận hoạt động hoặc quyết định thành lập để thực hiện đăng ký lao động tham gia bảo hiểm xã hội, định kỳ 06 tháng được cơ quan quản lý nhà nước về lao động ở địa phương cung cấp thông tin về tình hình sử dụng và thay đổi lao động trên địa bàn, được cơ quan thuế cung cấp mã số thuế của người sử dụng lao động, định kỳ hàng năm cung cấp thông tin về chi phí tiền lương để tính thuế của người sử dụng lao động; cơ quan bảo hiểm xã hội được trao quyền thực hiện thanh tra chuyên ngành việc đóng bảo hiểm xã hội,...

- *Về đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện:* Luật Bảo hiểm xã hội sửa đổi quy định mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện theo hướng không không chế tuổi trần tham gia, theo đó người lao động là công dân Việt Nam từ đủ 15 tuổi trở lên và không thuộc đối tượng áp dụng bảo hiểm xã hội bắt buộc nếu có nguyện vọng thì được tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện và khi đủ điều kiện thì được hưởng chế độ hưu trí và tử tuất. Như vậy, những người nông dân khi tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, đủ điều kiện về tuổi đời và thời gian đóng bảo hiểm xã hội thì cũng sẽ được hưởng chế độ hưu trí như đối với công chức, viên chức và người lao động khác.

- *Về chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện:* Luật Bảo hiểm xã hội sửa đổi quy định Nhà nước có chính sách hỗ trợ tiền đóng cho người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện. Căn cứ vào điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, khả năng ngân sách nhà nước trong từng thời kỳ để quy định mức hỗ trợ, đối tượng hỗ trợ và thời điểm thực hiện chính sách hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện. Như vậy, mức hỗ trợ cụ thể sẽ được Chính phủ xem xét, quyết định trên cơ sở điều kiện kinh tế - xã hội và khả năng ngân sách nhà nước trong từng thời kỳ.

- *Về công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc quản lý và sử dụng quỹ bảo hiểm xã hội để tránh thất thoát:* Luật Bảo hiểm xã hội sửa đổi bổ sung quy định cụ thể trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân các cấp trong thực hiện quản lý nhà nước về bảo hiểm xã hội; Bổ sung Thanh tra tài chính thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về quản lý tài chính bảo hiểm xã hội; Bổ sung cơ quan bảo hiểm xã hội thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm y tế; Bổ sung quyền của tổ chức công đoàn khởi kiện ra Tòa án đối với hành vi vi phạm pháp luật về bảo hiểm xã hội gây

ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động, tập thể người lao động; Bổ sung thêm quyền và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận trong tuyên truyền, vận động, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội.

Như vậy, với những quy định sửa đổi, bổ sung nêu trên tại Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014, các chế độ, chính sách bảo hiểm xã hội được hoàn thiện trên và về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu, nguyện vọng của đông đảo cử tri và người lao động khi tham gia, đóng góp ý kiến vào dự án Luật Bảo hiểm xã hội sửa đổi.

14. Đề nghị có chế tài nghiêm khắc hơn đối với các trường hợp doanh nghiệp chậm, không đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động (Kiến nghị số 97 của cử tri tỉnh An Giang)

Đề nghị có giải pháp triệt để hơn đối với những doanh nghiệp cố tình né tránh, vi phạm việc đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động nhằm đảm bảo những người lao động yếu thế, hiện nay doanh nghiệp thường kỳ họp đồng lao động ngắn hạn để khỏi đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động hoặc chiếm dụng tiền bảo hiểm xã hội của người lao động trong khi đó chế tài xử phạt của nhà nước ta lại chưa đủ sức răn đe (Kiến nghị số 103 của cử tri tỉnh Tây Ninh)

Ngày 20/11/2014, Quốc hội đã thông qua Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi) và sẽ có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2016. Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 đã sửa đổi, bổ sung nhiều nội dung nhằm tăng tính tuân thủ pháp luật, hạn chế tình trạng trốn đóng, nợ đóng bảo hiểm xã hội như:

- Bổ sung quy định về quyền của người lao động định kỳ 06 tháng được người sử dụng lao động cung cấp thông tin về đóng bảo hiểm xã hội; định kỳ hằng năm được cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận về việc đóng bảo hiểm xã hội.

- Bổ sung quyền thanh tra việc đóng bảo hiểm xã hội cho cơ quan bảo hiểm xã hội để cùng với Thanh tra chuyên ngành Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện tốt hơn công tác thu bảo hiểm xã hội.

- Bổ sung quyền của tổ chức công đoàn khởi kiện ra Tòa án đối với hành vi vi phạm pháp luật về bảo hiểm xã hội gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động.

- Tăng mức lãi đối với số tiền chậm đóng bảo hiểm xã hội lên bằng 02 lần mức lãi suất đầu tư quỹ bảo hiểm xã hội bình quân của năm trước liền kề tính trên số tiền chậm đóng;

- Bổ sung thêm quyền và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận trong tuyên truyền, vận động, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội.

Ngoài ra, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cũng đã phối hợp với các Bộ, ngành liên quan kiến nghị với Chính phủ, Quốc hội đưa vào Bộ luật Hình sự (sửa đổi) một số hành vi vi phạm trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội để tăng cường tính răn đe đối với các trường hợp cố tình chiếm dụng tiền đóng bảo hiểm xã hội

của người lao động.

15. Cử tri phản ánh hiện nay các doanh nghiệp Nhà nước đang đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động căn cứ theo tiền lương thực tế (hệ số lương nhân với mức lương cơ bản là 1.150.000đ kể từ ngày 01/7/2013). Tuy nhiên, khi bảo hiểm xã hội giải quyết các chế độ cho người lao động như ốm đau, thai sản, lương hưu, tử tuất... chỉ chi trả dựa trên mức lương cơ bản cũ 1.050.000đ là không hợp lý. Đề nghị khi người lao động đóng bảo hiểm xã hội dựa trên mức lương cơ bản nào thì chi trả các chế độ cho người lao động dựa trên mức lương cơ bản đó *(Kiến nghị số 100 của cử tri tỉnh Bắc Giang)*

Ngày 27/6/2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 66/2013/NĐ-CP quy định mức lương cơ sở áp dụng từ ngày 01/7/2013 là 1.150.000đ; đối tượng áp dụng không bao gồm người lao động làm việc trong các đơn vị doanh nghiệp, do đó người lao động làm việc trong các đơn vị doanh nghiệp hưởng chế độ BHXH từ ngày 01/7/2013 không được áp dụng mức lương cơ sở 1.150.000đ để tính trợ cấp mặc dù đã đóng BHXH theo mức lương 1.150.000đ. Điều này đã phát sinh nhiều thắc mắc, khiếu nại và gây khó khăn cho cơ quan BHXH khi thực hiện thu BHXH và giải quyết hưởng BHXH cho người lao động. Đề nghị sớm ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện *(Kiến nghị số 102 của cử tri tỉnh Hà Giang)*

Việc phát sinh vướng mắc nêu trên xuất phát từ việc thực hiện quy định của Bộ luật Lao động năm 2012 và Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006. Nhằm tháo gỡ những vướng mắc, Bộ trưởng Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Chính phủ đã ký Báo cáo số 112/BC-CP ngày 29/4/2014 và Báo cáo số 540/BC-CP ngày 31/12/2014 gửi Ủy ban Thường vụ Quốc hội về vướng mắc trong thi hành Bộ luật Lao động năm 2012.

Trong khi chờ ý kiến chính thức của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và để thực hiện việc thu nộp và giải quyết chế độ kịp thời, đảm bảo quyền lợi của người lao động trong các doanh nghiệp, Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội đã có các văn bản số 3725/LĐTBXH-BHXH ngày 07/10/2014 và văn bản số 4867/LĐTBXH-BHXH ngày 22/12/2014 gửi Bảo hiểm xã hội Việt Nam về việc tạm thời thực hiện tính đóng và hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội đối với người lao động. Tiếp đó, ngày 31/12/2014, Bảo hiểm xã hội Việt Nam đã có văn bản số 5467/BHXH-CSXH gửi Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố về việc hướng dẫn thực hiện thu và giải quyết hưởng bảo hiểm xã hội đối với người lao động. Theo đó, đối với người lao động tại các doanh nghiệp tiếp tục thực hiện chế độ tiền lương do Nhà nước quy định kể từ ngày 01/7/2013 trở đi được áp dụng mức lương cơ sở 1.150.000 đồng/tháng để tính đóng và hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội; trường hợp đã giải quyết hưởng bảo hiểm xã hội thì thực hiện điều chỉnh lại mức hưởng và chi trả khoản tiền chênh lệch cho người lao động.

16. Đề nghị có văn bản hướng dẫn về thẩm quyền xử lý chế độ bảo hiểm xã hội (thời hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, điều chỉnh chế độ bảo hiểm xã hội...) đối với các trường hợp hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội trước năm 1995 do ngân sách nhà nước đảm bảo; đề địa phương có căn cứ cơ sở giải quyết đối với các trường hợp hưởng chế độ sai quy định. Thực tế tại địa phương thời gian qua một số trường hợp nghỉ hưu trước năm 1995 khiếu nại kéo dài,

vượt cấp; nguyên nhân do chưa có chỉ đạo, quy định rõ trách nhiệm giải quyết (Kiến nghị số 104 của cử tri tỉnh Hà Tĩnh)

Theo quy định tại khoản 2 Điều 139 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006 thì người đang hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, tiền tuất hàng tháng và người bị đình chỉ hưởng bảo hiểm xã hội do vi phạm pháp luật trước ngày Luật này có hiệu lực thì vẫn thực hiện theo các quy định trước đây và được điều chỉnh mức hưởng theo quy định của pháp luật. Như vậy, đối với người đang hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng trước năm 1995 thì vẫn thực hiện theo các quy định trước năm 1995 và được điều chỉnh mức hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng theo quy định của pháp luật.

Về thẩm quyền, trình tự thủ tục giải quyết khiếu nại về bảo hiểm xã hội được thực hiện theo Điều 131 Luật Bảo hiểm xã hội và được quy định chi tiết tại Điều 55, Điều 56 Nghị định số 152/2006/NĐ-CP ngày 22/12/2006 của Chính phủ.

17. Cử tri tiếp tục phản ánh về sự chênh lệch quá lớn chế độ hưởng lương hưu giữa những người nghỉ hưu từ năm 1993 trở về trước và những người nghỉ từ năm 1994 trở lại đây. Đề nghị điều chỉnh cho phù hợp (Kiến nghị số 150 của cử tri tỉnh Cà Mau, Thái Bình, Bình Thuận, Vĩnh Phúc)

Đề nghị thực hiện nhanh lộ trình cải cách tiền lương, giải quyết thỏa đáng chế độ lương hưu cho cán bộ, công chức, nhất là cán bộ công chức nghỉ hưu trước đây nhằm đảm bảo sự công bằng (Kiến nghị số 172 của cử tri Thành phố Hồ Chí Minh)

Kiến nghị chế độ, chính sách tiền lương của những người có công trước đây so với mặt bằng lương hiện nay còn thấp, lương hưu của đối tượng này rất thấp, chưa tương xứng với công lao của họ. Đề nghị có sự điều chỉnh cho phù hợp (Kiến nghị số 175 của cử tri tỉnh An Giang)

Đề nghị điều chỉnh mức lương hưu cho những người nghỉ hưu từ năm 2004 trở về trước, vì hiện nay đối tượng này lương rất thấp, không đảm bảo cuộc sống (Kiến nghị số 178 của cử tri tỉnh Bắc Giang)

Cử tri phản ánh sĩ quan quân đội tham gia hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ khi nghỉ hưu chế độ lương hưu thấp so với số cán bộ sĩ quan nghỉ hưu hiện nay. Đề nghị xem xét, có hỗ trợ thêm (Kiến nghị số 180 của cử tri tỉnh Bắc Giang)

Kiến nghị điều chỉnh nâng mức lương hưu của cán bộ từ năm 1987 trở về trước. Đồng thời, cần có chính sách đối với cán bộ cơ sở đã cống hiến nhiều năm (Kiến nghị số 186 của cử tri tỉnh Trà Vinh)

Trung ương nên có chính sách điều chỉnh lương hưu đối với những người về hưu từ năm 1985 trở về trước (Kiến nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Bình Định tại Công văn số 2098/SLĐTBXH-LĐTL ngày 6/11/2014)

Ngày 25/11/2014, trên cơ sở Tờ trình số 85/TTr-BLĐTBXH ngày 11/11/2014 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội, Văn phòng Chính phủ đã

có văn bản số 9421/VPCP-KTTH thông báo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ về lương hưu đối với người nghỉ hưu trước tháng 4/1993, theo đó: giao Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan nghiên cứu và kiến nghị phương án xử lý đối với mức lương hưu của người có mức lương hưu thấp (cả trước và sau tháng 4/1993) trong Đề án cải cách chính sách bảo hiểm xã hội trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

18. Cử tri kiến nghị lương hưu của giáo viên nghỉ trước và sau năm 2008 là chưa công bằng, đề nghị Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội xem xét (Kiến nghị số 176 của cử tri tỉnh An Giang)

Theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội, thì “*mức hưởng bảo hiểm xã hội được tính trên cơ sở mức đóng, thời gian đóng bảo hiểm xã hội*”, theo đó mức lương hưu hàng tháng của người lao động được tính trên cơ sở thời gian đã đóng bảo hiểm xã hội và mức tiền lương, tiền công tháng làm căn cứ tính đóng bảo hiểm xã hội.

Về chính sách tiền lương đối với nhà giáo, theo quy định tại Nghị định số 54/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ, thì từ ngày 01/5/2011, thực hiện chế độ phụ cấp thâm niên đối với nhà giáo đang giảng dạy, giáo dục ở các cơ sở giáo dục công lập và các học viện, trường, trung tâm làm nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng thuộc cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đã được chuyển, xếp lương theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; và phụ cấp thâm niên được dùng để tính đóng, hưởng bảo hiểm xã hội. Như vậy, sẽ có sự chênh lệch về mức lương hưu giữa người nghỉ hưu trước và sau thời điểm tháng 5/2011.

Để đảm bảo quyền lợi cho các nhà giáo đã nghỉ hưu chưa được hưởng chế độ phụ cấp thâm niên trong lương hưu, ngày 30/8/2013, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 52/2013/QĐ-TTg, theo đó các nhà giáo nghỉ hưu khi đang trực tiếp giảng dạy, giáo dục ở các cơ sở giáo dục công lập và các học viện, trường, trung tâm làm nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng thuộc cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội hoặc giảng dạy, hướng dẫn thực hành tại các xưởng trường, trạm, trại, phòng thí nghiệm, tàu huấn luyện của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ sở giáo dục đại học công lập (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục công lập) mà chưa được hưởng chế độ phụ cấp thâm niên trong lương hưu thì sẽ được hưởng trợ cấp một lần. Mức trợ cấp bằng tiền được xác định dựa trên mức lương hưu đang hưởng và tổng thời gian trực tiếp giảng dạy, giáo dục, hướng dẫn thực hành trong các cơ sở giáo dục công lập đã được tính hưởng chế độ hưu trí.

19. Cử tri đề nghị nâng lương hưu cho đối tượng là cán bộ xã, phường, thị trấn đã nghỉ hưu trước năm 1990. Theo phản ánh của cử tri hiện nay lương hưu của đối tượng này còn thiệt thòi so với những người nghỉ hưu sau năm 1990 (Kiến nghị số 179 của cử tri tỉnh Yên Bái)

Đề nghị có chính sách hỗ trợ cán bộ xã đã nghỉ việc từ trước năm 1993, đồng ngũ này hiện nay còn rất ít. Đồng thời, mở rộng chế độ hỗ trợ cho tất cả các đồng

chỉ là Chủ nhiệm Hợp tác xã trước đây vì hiện nay muốn chuyển công tác khác hoặc nghỉ hưu gặp nhiều khó khăn để tính bảo hiểm xã hội (Kiến nghị số 182 của cử tri tỉnh Hà Nam)

Kiến nghị điều chỉnh nâng mức lương hưu của cán bộ từ năm 1987 trở về trước. Đồng thời, cần có chính sách đối với cán bộ cơ sở đã cống hiến nhiều năm (Kiến nghị số 186 của cử tri tỉnh Trà Vinh)

Việc nghiên cứu, xem xét tăng chế độ trợ cấp hàng tháng và chính sách hỗ trợ đối với cán bộ xã, phường công tác trong giai đoạn trước những năm 1990 thuộc thẩm quyền của Bộ Nội vụ. Đề nghị chuyển nội dung kiến nghị của cử tri đến Bộ Nội vụ để được xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

Trên đây là nội dung trả lời kiến nghị cử tri của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, kính gửi Quý Ban tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm VPCP;
- Chủ nhiệm VPQH;
- Trưởng đoàn ĐBQH 63 tỉnh, thành phố;
- Bộ LĐTBXH: Bộ trưởng (đề b/c), Vụ LĐTL, Vụ BHXH, Vụ PC;
- Sở LĐTBXH tỉnh Bình Định;
- Lưu: VT, TK-TH.

